



biāo zhì xìng

标志性

adjective · iconic; landmark; symbolic

Example Sentences

Zhè shì chéng shì de biāo zhì xìng jiàn zhù
这是城市的标志性建筑。

This is the city's landmark building.

Nà chǎng shèng lì jù yǒu biāo zhì xìng yì yì
那场胜利具有标志性意义。

That victory has symbolic significance.

Trace each character, then write the word on your own.

标	标	标	标	标	标	标	标	标	标	标
标										
志	志	志	志	志	志	志	志	志	志	志
性	性	性	性	性	性	性	性	性	性	性